

Vĩnh Phúc, ngày 09 tháng 4 năm 2025

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua công cụ, dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc, với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc.
  - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS. Nguyễn Thị Phương Liên; SĐT: 0985330366; Gmail: [phuonglien.cdcpv@gmail.com](mailto:phuonglien.cdcpv@gmail.com).
  - Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc (Địa chỉ: Khoa Dược – VTYT, Số 10 đường Hai Bà Trưng, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).
  - Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 10h ngày 09 tháng 4 năm 2025 đến trước **08h00 ngày 21 tháng 4 năm 2025**.
- Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2025.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

- Danh mục hàng hóa cụ thể: (Phụ lục kèm theo).
- Các nhà cung cấp gửi bản báo giá đã bao gồm thuế VAT, các chi phí trọn gói để thực hiện gói thầu, giao hàng tại Khoa Dược-VTYT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Số 10, đường Hai Bà Trưng, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II năm 2025.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị nghiệm thu trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên bán giao hàng hóa, hóa đơn và các chứng từ thanh toán cho bên mua.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc rất mong nhận được sự phản hồi thông tin từ các đơn vị cung cấp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website Trung tâm;
- Lưu: DVTYT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Trường**

## DANH MỤC VẬT TƯ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 09/4/2025 của Trung tâm KSBT tỉnh Vĩnh Phúc)

| STT | Danh mục                                  | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|---------|
| 1.  | Máy đo đường huyết                        | Máy thử đường huyết:<br>- Thử đường máu mao mạch<br>- Thời gian phân tích: 7 giây<br>- Dải đo: 20-600 mg/dl (1.1 mmol/l - 33.3mmol/l)<br>- Cấu hình: 01 máy chính + phụ kiện tiêu chuẩn             | 5        | Cái         |         |
| 2.  | Giá treo Micropipet loại ngang            | Giá treo ngang                                                                                                                                                                                      | 3        | Cái         |         |
| 3.  | Trợ hút Pipet (giải hút từ 0,1ml – 100ml) | Thẻ tích hút và rót mẫu: 0.1 ->100ml. Vận hành dễ dàng bằng 1 tay. Có màn hình hiển thị. Tốc độ hút trong vòng 5 giây. Thời gian sạc pin: 2-3h. Tốc độ phân phối: 8 mức điều chỉnh.                 | 2        | Chiếc       |         |
| 4.  | Ghế xoay INOX                             | Ghế xoay làm bằng inox                                                                                                                                                                              | 5        | Chiếc       |         |
| 5.  | Nhiệt kế đo nhiệt độ                      | Dùng trong đo nhiệt độ tủ lạnh, thùng trữ lạnh, trữ máu với thang nhiệt độ từ âm - 40 đến 50°C. Đầu kim loại chắc chắn, bền và tuổi thọ cao. Hàng không độc hại, không gây ảnh hưởng đến môi trường | 5        | Chiếc       |         |
| 6.  | Micropipette 100 µl                       | Dùng để hút hóa chất và mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế từ 10-100 µl                                                                                                                                  | 2        | Cái         |         |
| 7.  | Micropipette 20 µl                        | Dùng để hút hóa chất và mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế từ 2-20 µl                                                                                                                                    | 3        | Cái         |         |
| 8.  | Micropipette 10 µl                        | Dùng để hút hóa chất và mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế từ 0.5-10 µl                                                                                                                                  | 3        | Cái         |         |